

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/DS-ST
Ngày: 02-02-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ

2. Ông Trương Hữu Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 579/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-DS ngày 17/01/2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồ Văn P, sinh năm 1977; hộ khẩu thường trú: Đường ĐT 744, ấp G, xã T, huyện D, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980; hộ khẩu thường trú: Ấp G, xã T, huyện D, tỉnh B.

- Người làm chứng: Bà Lê Thị P, sinh năm 1975; hộ khẩu thường trú: Ấp G, xã T, huyện D, tỉnh B.

Nguyên đơn ông Hồ Văn P; bị đơn ông Nguyễn Văn T có mặt.

Người làm chứng bà Lê Thị P có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2023, quá trình tố tụng giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn (ông Hồ Văn P) trình bày:

Hiện nay Hồ Văn P đang sing sống tại ấp G, xã T, huyện D, tỉnh B và đang làm công an ấp G, xã T và buôn bán nước giải khác.

Thực tế giữa ông Nguyễn Văn T và ông Hồ Văn P không có mối quan hệ gì, tuy nhiên phía ông Hồ Văn P tự nhận ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1942; hộ khẩu thường trú: Ấp G, xã T, huyện D, tỉnh B là ba nuôi (vì ông Nguyễn Văn T quan hệ là cháu ruột của ông Nguyễn Văn C). Trên cơ sở đó ông Hồ Văn P gọi ông Nguyễn Văn T là anh.

Ngày 20/5/2023, ông P đồng ý cho ông T vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) với mục đích xoay sở công việc gia đình. Khi vay tiền thì ông T là người lập văn bản trên tờ giấy học sinh và được lập tại nhà của ông T, sau đó đem đến cho ông P xem nội dung và ký tên xác nhận, đồng thời cam kết đến ngày 20/7/2023 sẽ thanh toán số tiền trên cho ông P. Nguồn gốc số tiền 20.000.000 đồng mà ông P cho ông T vay ngày 20/5/2023, đây là tiền hụi do ông P tham gia chơi hụi do bà Danh Thị T làm chủ hụi với tổng số tiền 34.700.000 đồng. Tuy nhiên đến thời hạn trả nợ ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình nên ông P làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Tại phiên tòa, ông P yêu cầu ông T thanh toán số tiền vay 20.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Ngoài ra, nguyên đơn không có tranh chấp gì khác.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2023, quá trình tố tụng giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn (ông Nguyễn Văn T) trình bày:*

Hiện nay Nguyễn Văn T đang sing sống tại ấp G, xã T, huyện D, tỉnh B và đang cạo mủ cho Nông trường cao su B với thu nhập hàng tháng 7.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn T và ông Hồ Văn P không có mối quan hệ gì, tuy nhiên phía ông Hồ Văn P tự nhận ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1942; hộ khẩu thường trú: Ấp G, xã T, huyện D, tỉnh B là ba nuôi (vì ông Nguyễn Văn T quan hệ là cháu ruột của ông Nguyễn Văn C). Trên cơ sở đó ông Hồ Văn P gọi ông Nguyễn Văn T là anh.

Ngày 14/11/2022 ông T có vay của bà Lê Thị P (không rõ năm sinh, địa chỉ) số tiền 15.000.000 đồng với mục đích xoay sở công việc gia đình và thỏa thuận tiền lãi suất là 1.500.000 đồng/tháng. Khi vay tiền thì ông T có lập giấy và ký tên xác nhận. Tuy nhiên đến tháng 5 năm 2023 thì ông T không có khả năng trả tiền lãi cho bà Lê Thị P nên ngày 20/5/2023 ông Hồ Văn P yêu cầu ông T lập văn bản với nội dung là vay của ông P số tiền 20.000.000 đồng (tiền gốc 15.000.000 đồng và tiền lãi suất 5.000.000 đồng) và văn bản này do ông T xác lập, sau đó đọc lại toàn bộ nội dung, tự nguyện ký tên “T” ghi họ tên Nguyễn Văn T.

Phía ông T có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh số tiền vay 15.000.000 đồng của bà Lê Thị P và khẳng định hiện nay ông T chưa thanh toán cho bà P số tiền nay. Trước yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn P về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T thanh toán số tiền vay 20.000.000 đồng thì ông T đồng ý trả nợ

nhưng với phương thức trả dần mỗi tháng 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế của ông T khó khăn, mặc khác ông T còn nợ nhiều người khác số tiền 400.000.000 nên không có khả năng trả nợ.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2023, quá trình tổ tụng giải quyết vụ án người làm chứng (bà Lê Thị P) trình bày:

Hiện bà Lê Thị P đang sinh sống tại ấp G, xã T, huyện D, tỉnh B. Giữa bà Lê Thị P và ông Hồ Văn P có quan hệ tình cảm với nhau, bà P và ông P có sống chung với nhau từ năm 2021 đến tháng 4 năm 2023 thì không còn sống chung. Giữa bà Lê Thị P và ông Nguyễn Văn T không có quan hệ gì chỉ là hàng xóm của nhau.

Ngày 14/11/2022 bà Lê Thị P có cho ông Nguyễn Văn T vay số tiền 15.000.000 đồng nhưng không lấy tiền lãi. Khi vay tiền thì giữa bà Lê Thị P và ông T có lập giấy tay vay tiền và ông T ký tên xác nhận.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng ngày 20/5/2023 mà ông P cho ông T thì bà Lê Thị P không biết hai bên thỏa thuận vay mượn như thế nào mà ông T lại ký giấy nợ với ông P. Bà Lê Thị P chỉ biết số tiền 15.000.000 đồng là tiền của cá nhân bà P cho ông T vay, giấy nợ chỉ có bà P và ông T ký. Mục đích ông T vay số tiền 15.000.000 đồng là để trả tiền nợ bên ngoài. Hiện bà Lê Thị P không có giữ giấy tờ gì liên quan đến số tiền 15.000.000 đồng cho ông T vay và hiện nay ông T chưa thanh toán số tiền này cho bà Lê Thị P.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông P yêu cầu ông T trả số tiền 20.000.000 đồng thì bà Lê Thị P có ý kiến không liên quan đến số tiền trên nên Tòa án căn cứ theo quy định giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng phát biểu tại phiên tòa:

Ngày 17/10/2023, nguyên đơn ông P khởi kiện yêu cầu bị đơn ông T trả số tiền 20.000.000 đồng mà ông T vay của ông P. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự (*hợp đồng vay tài sản*). Tòa án xác định đúng mối quan hệ pháp luật.

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ, nhận thấy:

Nguyên đơn ông P cung cấp giấy mượn tiền đề ngày 20/5/2023 với nội dung: ông T mượn của ông P 20.000.000 đồng, hạn đến ngày 20/7/2023 sẽ trả, không thỏa thuận lãi suất, hợp đồng viết tay, không có công chứng, chứng thực.

Theo lời trình bày của ông T: Ông có mượn của bà Lê Thị P (người sống chung như vợ chồng với ông P) số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 1.500.000đồng/tháng. Do không có khả năng trả tiền lãi nên ngày 20/5/2023, ông T ký giấy mượn tiền với ông P, số tiền 20.000.000 đồng. Hiện nay ông T đồng ý trả số tiền trên cho ông P nhưng muốn được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ của đương sự cung cấp, Tòa án thu thập và quy định của pháp luật tại các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng

xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông P, buộc bị đơn ông T trả cho nguyên đơn ông P số tiền 20.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2023, nguyên đơn ông Hồ Văn P khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T trả nợ số tiền vay 20.000.000 đồng. Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc xác định tư cách tham gia tố tụng là phù hợp quy định của pháp luật.

[1.2] Quá trình xác minh thu thập chứng cứ thể hiện bị đơn ông Nguyễn Văn T hiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp G, xã T, huyện D, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Do nhu cầu cần tiền xoay sở công việc gia đình nên ngày 20/5/2023, ông Nguyễn Văn T có vay của ông Hồ Văn P số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Khi vay tiền thì ông T là người lập văn bản không có tiêu đề chỉ thể hiện nội dung vay tiền trên tờ giấy học sinh và được lập tại nhà của ông T, sau đó đem đến cho ông P xem nội dung và ký tên xác nhận, đồng thời cam kết đến ngày 20/7/2023 sẽ thanh toán số tiền trên cho ông P. Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa phía bị đơn ông Nguyễn Văn T thừa nhận nội dung chữ viết và chữ ký tên của mình trên văn bản ngày 20/5/2023 và đây là tình tiết không cần phải chứng minh được các bên đương sự thừa nhận theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng là hoàn toàn có thật và phía ông Nguyễn Văn T không thực hiện đúng cam kết trả nợ khi đến thời hạn, cố tình trốn tránh nghĩa vụ thanh toán tiền vay là vi phạm Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Xét ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Văn T cho rằng ngày 14/11/2022 ông Thanh có vay của bà Lê Thị P, sinh năm 1975; hộ khẩu thường trú: Ấp G, xã T, huyện D, tỉnh B số tiền 15.000.000 đồng và thỏa thuận tiền lãi suất là 1.500.000 đồng/tháng. Khi vay tiền thì ông T có lập giấy và ký tên xác nhận. Tuy nhiên đến tháng 5 năm 2023 ông T không có khả năng trả tiền lãi cho bà P nên ngày 20/5/2023 ông Hồ Văn P yêu cầu ông T lập văn bản với nội dung là vay của ông P số tiền 20.000.000 đồng (tiền gốc 15.000.000 đồng và tiền lãi suất 5.000.000 đồng), tuy nhiên ông T không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh về số tiền vay 15.000.000 đồng của bà Lê Thị P có liên quan đến số tiền 20.000.000 đồng mà ông P cho ông T vay ngày 20/5/2023. Mặc khác ông T cho

rằng không có nhận số tiền 20.000.000 đồng của ông P nhưng bản thân ông T là người biết đọc, biết viết và đã tự mình lập văn bản thể hiện nội dung vay số tiền 20.000.000 đồng của ông P và hoàn toàn không đề cập gì đến số tiền 15.000.000 đồng của bà Lê Thị P. Bên cạnh đó, lời trình bày của người làm chứng bà Lê Thị P hoàn toàn không biết việc vay tiền giữa ông T và ông P và không liên quan gì đến số tiền 20.000.000 đồng mà ông P cho ông T vay. Do đó, có cơ sở khẳng định lời trình bày của bị đơn ông Nguyễn Văn T là mâu thuẫn, không phù hợp với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Tại phiên tòa, bị đơn thay đổi ý kiến đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc thanh toán số tiền 20.000.000 đồng cho ông P nhưng với phương thức trả dần mỗi tháng 500.000 đồng vì hiện nay ông T còn nợ rất nhiều người, tuy nhiên phương thức trả dần số tiền này phía nguyên đơn không đồng ý và gây ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn P là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay 20.000.000 đồng cho nguyên đơn.

[4] Xét, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về phần thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Hoàn trả lại cho ông Hồ Văn P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 4, 5, 26, 35, 39, 68, 147, 186, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn P đối với ông Nguyễn Văn T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hồ Văn P số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày ông Hồ Văn P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Nguyễn Văn T chậm trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn T phải nộp số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

- Hoàn trả cho ông Hồ Văn P 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0009612 ngày 09/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 02/02/2024).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Xuân Nam